TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 15 - 8 - 2023
V/v: *Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong hộ gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vừ Thị Hoa;
Bà Nguyễn Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về : *"Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong hộ gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/ QĐST-DS ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn*:* Cụ Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đại diện theo ủy quyền của Cụ Ng là ông Lò Văn H – sinh năm: 1966 và ông Lò Văn M , sinh năm: 1997

Đều ĐKHKTT: bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Lê Mạnh Hùng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Bị đơn: Ông Lò Văn H1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lò Thị Ng1, sinh năm: 1964;

3.2 Ông Lò Văn H, sinh năm 1966;

3.3. Bà Lò Thị V, sinh năm: 1974;

3.4. Ông Lò Văn D, sinh năm: 1982;

3.5. Bà Lù Thị L1, sinh năm: 1990;

Cùng trú tại: Bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

3.6. Bà Lò Thị L, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Bản Là 2, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

(Các ông bà Ng1, H, V, L, Dân có mặt tại phiên tòa; ông Lò Văn H1 và bà Lù Thị L1 vắng mặt không có lý do)

4/ Người làm chứng gồm:

Ông H1n, sinh năm: 1966

Ông Vàng Văn Huân, sinh năm: 1992

Ông Vàng Văn Liên, sinh năm: 1976

Ông Hứa Văn Lậu, sinh năm: 1957

Cùng trú tại: Bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

(ông Ún, ông Huân vắng mặt có lý do; ông Liên, ông Lậu có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vàng Thị Ng có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lò Văn H và ông Lò Văn M thống nhất trình bày:

Cụ Vàng Thị Ng và cụ Lò Văn M có 06 người con gồm Lò Thị Ng1, sinh năm 1964; Lò Văn H sinh năm 1966; Lò Thị V sinh năm 1974; Lò Văn H1 sinh năm 1978; Lò Văn D sinh năm 1982; Lò Thị L sinh năm 1986. Năm 1994, cụ Mần chết không để lại di chúc, các con lần lượt trưởng thành và ra ở riêng, bà Ng1 đi lấy chồng, năm 1996 ông Lò Văn H và vợ con ra ở riêng năm 1999, năm 2002, ông Dân lấy vợ đến năm 2007 ông Dân cùng vợ con ra ở riêng, bà Lò Thị V và con Lò Văn M ra ở riêng. Đầu năm 2018, bà Lò Thị L đi lấy chồng, cuối năm 2018, Lò Văn H1 lấy vợ.

Khối tài sản chung trong gia đình gồm: trâu, đất ở, đất ruộng và nhà đều có nguồn gốc của hai vợ chồng cụ. Khi cụ Mần chết có 02 con trâu cái, nhà sàn 04 gian, đất ở và ruộng vườn, năm 2007, nhà xuống cấp nên làm lại; trâu lúc này đã sản sinh tổng có 05 con (02 con trâu mẹ, 03 con nghé). Năm 2010, thực hiện dự án thủy điện Bản Chát, gia đình cụ thuộc diện di dân và được cấp đất ở, vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 tại bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và dựng nhà mới năm 2012. Năm 2019, đàn trâu sinh sản được 16 con, cụ Ng bán 03 con trâu trị giá 60.000.000 đồng, cụ gửi tiết kiệm và đưa cho ông H giữ số tiết kiệm 50.000.000 đồng, đưa cho ông H1 2.000.000 đồng, cụ chi tiêu cá nhân hết 8.000.000 đồng. Ngày 11/10/2019, cụ Ng lập biên bản phân chia số trâu cho ông H 01 con, bà V 01 con, bà L 01 con, ông D 01 con trâu cái chửa và ông H1 02 con trâu. Từ khi các con ra ở riêng, cụ chung sống cùng ông H1, quá trình chung sống cụ và vợ chồng ông H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên cụ yêu cầu chia tài sản chung gồm 07 con trâu và những tài sản sau đây:

- Đất ở và nhà gỗ 4 gian lợp tôn trên thửa đất số 69; Tờ bản đồ số: 58; Diện tích: 409,2 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00791 Mang tên hộ bà Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 591864 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 20/9/2014.

+ Đất ruộng gồm: Thửa đất gồm: 6 thửa; Tờ bản đồ số: 47, 48; Diện tích: 1218,9 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00790 Mang tên hộ bà Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 503972 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 22/9/2014;

- Thửa đất gồm: 7 thửa; Tờ bản đồ số: 4, 7 ; Diện tích: 1314,2 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00474 Mang tên hộ bà Lò Thị

Ng, sinh năm 1947; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: đồng Huổi Cuồng, xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 857271 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 01/4/2011;

- Thửa đất số: 204; Tờ bản đồ số: 27 ; Diện tích: 881,8 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00473 Mang tên hộ bà Lò Thị Ng, sinh năm 1947; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 857387 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 01/4/2011;

Và một số tài sản khác cụ thể: 1 máy sát mi ni; 01 máy cầy; 01 máy xẻ cầm tay; 01 máy bào điện đa năng; 01 mô tô mang biển kiểm kiểm soát 25F3-4481 hiện đăng ký đang mang tên Lò Văn H1; 01 mô tô mang biển kiểm kiểm soát 25T1- 04649 hiện đăng ký đang mang tên Lò Văn H1.

Quan điểm của cụ Ng là: Chia cho ông H1 02 con trâu (01 con trâu cái và 01 con trâu đực); 01 mảnh đất có diện tích khoảng 800 m^2 c H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản Huổi Hằm, xã Mường Mít; 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 25F3-4481. Số tài sản còn lại gồm 05 con trâu và các tài sản khác cụ sẽ là người sở hữu.

Bị đơn ông Lò Văn H1 quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng để ông H1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, song đến ngày 28/6/2022, tại nơi cư trú của ông Lò Văn H1, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành lấy lời khai, trong lời khai ông thừa nhận về mối quan hệ và tài sản chung mà cụ Ng yêu cầu, ông không nhất trí để cụ Ng sở hữu toàn bộ khối tài sản chung, bởi ông cho rằng toàn bộ khối tài sản chung cụ Ng yêu cầu là do bản thân tạo lập nên. Nếu cụ Ng vẫn yêu cầu thì ông có nguyện vọng:

+ Đất ở và nhà gỗ 4 gian lợp tôn trên thửa đất số 69; Tờ bản đồ số: 58; Diện tích: 409,2 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00791 Mang tên hộ bà Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 591864 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 20/9/2014. Ông yêu cầu cụ Ng chia cho một phần đất để ông dựng nhà; 02 xe máy là của ông, ông sở hữu; 01 máy xát mili ông trả cho cụ Ng; 01 máy bào điện đa năng, 01máy xẻ cầm tay, 01máy cày do ông mua nên ông sẽ sử dụng.

+ Thửa đất ruộng tại Tờ bản đồ số: 47, 48; Diện tích: 1218,9 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00790 Mang tên hộ bà Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 503972 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 22/9/2014. Ông trả cho cụ Ng và cụ Ng phải trả tiền thuê máy xúc cho ông là 5.000.000 đồng.

Đối với nhà sàn 04 gian, ông sẽ dỡ nhà đi ở chỗ khác, cụ Ng phải bố trí cho ông 01 mảnh đất ở có đầy đủ các điều kiện sinh hoạt như điện nước, đường đi và yêu cầu cụ Ng trả số tiền mà ông được hưởng từ khối tài sản chung từ năm 1994 đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị Ng1, Lò Văn H trình bày: Nhất trí theo nội dung mà cụ Ng đã yêu cầu, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu được hưởng trong khối tài sản chung các đương sự để cho cụ Ng hưởng và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn D trình bày: về mối quan hệ gia đình như các đương sự trình bày như trên là đúng, quá trình giải quyết, tôi yêu cầu ông Lò Văn H1 phải trả cho ông 01 con trâu cái và 01 con nghé mà ông Lò Văn H1 đang quản lý và chăn dắt *(do thời điểm năm 2019 ông được chia 01 con trâu cái đang chửa và đã sinh sản thêm 01 con nghé)*.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị V trình bày: về mối quan hệ gia đình như các đương sự trình bày như trên là đúng, quá trình giải quyết, tôi yêu cầu ông Lò Văn H1 phải trả cho bà 01 con trâu cái mà ông Lò Văn H1 đang quản lý và chăn dắt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị L trình bày: về mối quan hệ gia đình như các đương sự trình bày như trên là đúng, quá trình giải quyết, tôi yêu cầu ông Lò Văn H1 phải trả cho bà 01 con trâu đực mà ông Lò Văn H1 đang quản lý và chăn dắt.

Ông Dân, bà V, bà L đã làm đơn yêu cầu độc lập đối với ông Lò Văn H1 về các yêu cầu trên. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành thụ lý yêu cầu theo thủ tục tố tụng. Song đến ngày 03/02/2023, cụ Vàng Thị Ng có người đại diện theo ủy quyền là ông Lò Văn H, ông Lò Văn M ; ông Lò Văn D, bà Lò Thị V, bà Lò Thị L có đơn đề nghị: đối với cụ Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Lò Văn H1 trả cho cụ Ng 07 con trâu *(theo nguyện vọng nếu giải quyết cụ sẽ cho ông H1 02 con trâu còn lại 05 con là cụ sở hữu);* ông Dân, bà V, bà L rút toàn bộ yêu cầu độc lập buộc ông H1 phải trả cho các ông bà số trâu đã nêu trên, toàn bộ số trâu 11 con của cụ Ng, ông D, bà V, bà L đều do ông H1 đang chiếm giữ và quản lý.

Đối với bà Lù Thị L1 trình bày: bà là vợ của ông Lò Văn H1, vợ chồng bà kết hôn năm 2018, sau cụ Ng chung sống cùng gia đình bà, cuộc sống gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quan hệ mẹ chồng, nàng dâu không thể dung hòa, hiện nay cụ Ng yêu cầu chia khối tài sản chung, bà nhất trí theo nội dung trình bày của chồng bà là ông Lò Văn H1 và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định như lấy lời khai của các đương sự, người làm chứng, xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu, định giá tài sản.... song quá trình xem xét tại chỗ, bị đơn Lò Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Thị L1 không hợp tác dẫn đến không thể tiến hành xem xét đối với đàn trâu 11 con do bị đơn Lò Văn H1 đang chăn dắt theo yêu cầu của các đương sự.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải các đương sự đã đưa ra các phương án để giải quyết vụ án song đã không đưa ra một phương án thống nhất để hòa giải vụ án. Để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, cụ Vàng Thị Ng vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Lò Văn H và anh Lò Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu giải quyết cho cụ Vàng Thị Ng được sở hữu toàn bộ nhà, đất và tài sản khác; đối với yêu cầu giải quyết số trâu là 07 con thì cụ đã tự nguyện rút yêu cầu và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định rút yêu cầu giải quyết số trâu trên.

Bị đơn Lò Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Thị L1 không nhất trí theo yêu cầu của cụ Vàng Thị Ng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác như bà Ng1, bà V, ông H, ông Dân, bà L không có ý kiến gì đối với phần tài sản đang tranh chấp giữa cụ Ng và anh H1.

Tại Kết luận định giá số: 03/HĐ-ĐGTS ngày 04/4/2023 của Hội đồng định giá huyện Than Uyên, Lai Châu kết luận: Nhà sán 04 gian lợp tôn tầng vách xây băng gạch chát xi măng có trị giá 212.204.524 đồng; Chiếc xe máy mang BKS 25T1-046.49 mang nhãn hiệu FUTURE 125 F1 mua ngày 06/02/2013 đã qua sử dụng có giá trị 14.850.000 đồng; Chiếc xe máy mang BKS 25F3-4481 đã qua sử dụng có giá trị 4.500.000 đồng; 01 máy sát mili mua năm 2017 đã qua sử dụng có giá trị 450.000 đồng; Thửa đất gồm 06 thửa tại tờ bản đồ số 4 diện tích 1.314,2m^2 có giá trị là 43.369.000 đồng; đối với đất ở giấy chứng nhận số BT 591864, số vào sổ CH00791 được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp ngày 20/9/2014 tại vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 có giá trị là 76.146.600 đồng. Tổng giá trị tài sản là 360.820.124 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu tám trăm hai mươi đồng một trăm hai mươi tư đồng)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cụ Vàng Thị Ng trình bày nội dung bảo vệ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao đất ở, nhà sàn 04 gian lợp tôn, đất ruộng và một số tài sản khác theo đơn khởi kiện cho cụ Vàng Thị Ng quản lý và sử dụng.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền, xác định tư cách tố tụng, thời hạn xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn Lò Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Thị L1 c H chấp hành đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hướng giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 217; Điều 220, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 102, 208, 209, 212, 219, 220 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 29 Điều 3; Điều 166, 170, 203 – Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Vàng Thị Ng đối với ông Lò Văn H1 về việc *"Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong hộ gia đình"*.

Cụ Vàng Thị Ng được sở hữu và quản lý: đối với đất ở, vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 có giá trị là 76.146.600 đồng; trên đất có nhà sàn

04 gian lợp tôn, sàn ván, nền đổ bê tông, mặt tường xây bao quanh có tứ cận phía Đông giáp hộ ông Vàng Văn Hả; phía Tây giáp đường dân sinh nhỏ; phía Nam giáp hộ ông Vàng Văn L; phía Bắc giáp đường dân sinh; 01 máy sát mili; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE; nhà sàn 04 gian có giá trị 212.204.524 đồng trong đó cụ Ng được sở hữu 1/3 giá trị ngôi nhà là 70.734.841 đồng ; Diện tích: 1314,2 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00474 Mang tên hộ bà Lò Thị Ng, sinh năm 1947; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: đồng Huổi Cuồng, xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 857271 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 01/4/2011 có 06 thửa (33,35,37,38,39,40) có giá trị là 43.369.000 đồng; Tổng tài sản chung cụ Ng được hưởng là 205.550.441 đồng; 01 máy xẻ cầm tay; 01 máy bào điện đa năng.

Bà Lò Thị L được hưởng 70.734.841 đồng giá trị nhà sàn 04 gian, như vậy tổng khối tài sản cụ Vàng Thị Ng được hưởng là 276.275.282 đồng.

Ông Lò Văn H1 được sở hữu quản lý và sử dụng các tài sản gồm: 01 máy cày và 01 xe máy biển kiểm soát 25F3-4481; 1/3 giá trị nhà sàn 04 gian lợp tôn là 70.734.841 đồng. Giá trị tài sản mà ông H1 được hưởng là 84.534.841 đồng.

Cụ Vàng Thị Ng phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông H1 số tiền là 70.734. 842 đồng *(bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng)*.

Đề nghị tính công sức đóng góp cho bà Lù Thị L1 trong khối tài sản cụ Vàng Thị Ng yêu cầu.

* Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Vàng Thị Ng yêu cầu buộc ông Lò Văn H1 phải trả cho cụ 07 con trâu.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn D, Lò Thị V, Lò Thị L về việc ông Lò Văn H1 trả trâu cho các ông bà theo yêu cầu. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Miễn án phí cho cụ Vàng Thị Ng theo quy định; Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Lò Văn H1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Thị L1 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là *"Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong hộ gia đình"*. Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, các đương sự cùng các tài sản liên quan có đăng ký HKTT tại xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[3]. Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử thấy rằng: kể từ khi khởi kiện cho đến ngày Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án cụ Vàng Thị Ng (đã

ủy quyền cho ông Lò Văn H và anh Lò Văn M) có yêu cầu đề nghị chia nhà gắn liền với đất và 07 con trâu cùng các tài sản khác (sau khi đã chia một số tài sản khác cho các thành viên theo biên bản chia tài sản ngày 11/10/2019 giữa cụ Ng, ông H, bà L, ông Dân, ông H1). Việc cụ Ng chia trâu cho các anh, chị em đã biết và có lập biên bản, ông H1 có ký. Sau khi chia trâu các ông H đã mang về và chăn nuôi; ông Dân; bà V mang về chăn dắt được một thời gian nhưng sau đó, ông H1 đã tự ý mang trâu của ông Dân, bà V về chăn dắt; riêng bà L thì không đem về mà vẫn để ông H1 chăn dắt. Biên bản lập được các bên ký vào và đã thực hiện, đây là những sự kiện các bên thừa nhận.

[4]. Xét về nguồn gốc hình thành số tài sản mà nguyên đơn cụ Ng yêu cầu Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cụ Vàng Thị Ng và cụ Lò Văn M xây dựng với nhau và sinh được 06 người con đều đã trưởng thành. Đến năm 1994, cụ Mần chết không để lại di chúc. Đất được cấp năm 2010 do di dân tái định cư; năm 2012 xây dựng nhà mời trên đất được cấp ngôi nhà sàn 04 gian lợp tôn; 01 máy sát mi li; 01 máy bào điện đa năng; 01 máy xẻ cầm tay; 01 máy cày; 01 xe máy biển kiểm soát 25F3-4481 nhãn hiệu HONDA; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE cả hai xe máy do Lò Văn H1 đứng tên; Đối với số trâu được hình thành từ 02 con trâu có từ trước năm 1994, tổng đàn trâu đến năm 2020 là 16 con, năm 2019, cụ Ng bán 03 con trâu được 60.000.000 đồng số tiền này cụ chi tiêu hết 8.000.000 đồng; đưa cho ông H gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, đưa cho ông H1 2.000.000 đồng; ngày 11/10/2019, cụ Ng chia trâu và một số tài sản khác cho ông H 01 con trâu; bà V 01 con trâu, bà L 01 con, ông Dân 01 con, ông H1 02 con; do vậy mà đàn trâu cụ yêu cầu là 07 con. Tuy nhiên quá trình giải quyết cụ Ng đã rút yêu cầu buộc ông H1 phải trả số trâu 07 con trâu cho cụ, các yêu cầu khác cụ vẫn giữ nguyên.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như ông Dân, bà L, bà V yêu cầu bị đơn Lò Văn H1 trả cho các ông bà có trâu trong đàn do ông H1 đang quản lý. Đến ngày 03/02/2023, các đương sự có văn bản gửi Tòa án rút yêu cầu độc lập nêu trên. Xét thấy việc rút yêu cầu đối với tài sản là số trâu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Ng, đình chỉ yêu cầu độc lập của các ông Dân, bà L, bà V.

* Số tài sản chung còn lại đến thời điểm xét xử của cụ Ng được xác định như sau:

+ Nguồn gốc đất ở, vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 có giá trị là 76.146.600 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự thì thấy rằng: trước khi di dân tái định cư cụ M và cụ Ng cũng đã có đất và nhà ở, đến năm 2010, thời điểm các con đã trưởng thành, ra ở riêng và được nhà nước cấp cho cụ số diện tích đất trên thực hiện chính sách di dân. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự thì thấy rằng: trước khi di dân tái định cư số diện tích đất trên là của cụ Lò Văn M và cụ Vàng Thị Ng tạo dựng. Do vậy, nên có căn cứ để xác định số đất ở trên thuộc sở hữu của cụ Ng.

+ Đối với nhà sàn 04 gian: Năm 2010 hộ gia đình cụ Ng thuộc diện di dân tái định cư, ngôi nhà sau đó được hình thành từ số tiền di dân tái định cư vào năm 2012. Thời điểm này theo hồ sơ cấp đất cũng như lời khai của các thành viên trong hộ gia đình thì trong hộ cụ Ng lúc này gồm cụ Vàng Thị Ng,

ông Lò Văn H1, bà Lò Thị L và đến năm 2018, bà Lù Thị L1 về làm dâu, cùng thời điểm 2018, bà L cũng đi xây dựng gia đình. Quá trình giải quyết ông H1 cho rằng nhà sàn 04 gian do ông lấy gỗ và nhờ anh em dựng nên để làm chỗ ở cho cả gia đình song ông không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh. Việc hình thành ngôi nhà có được từ tiền di dân tái định cư như cụ Ng khai nhận là có căn cứ do số tiền di dân ông H1 đều đã nhận trực tiếp cụ Ng là người điểm chỉ vào các tờ biên nhận. Hội đồng xét xử nhận định rằng để đảm bảo cho cụ Ng chỗ ở ổn định thì cần giao cho cụ Ng nhà sàn 04 gian như hiện trạng để cụ sở hữu theo ý nguyện của cụ. Đồng thời thanh toán cho các đồng sở hữu theo giá trị của Hội đồng định giá huyện Than Uyên là 212.204.524 đồng trong đó cụ Ng được sở hữu 1/3 giá trị; bà Lò Thị L được hưởng 1/3 giá trị 04 gian nhà gỗ nêu trên; như vậy, cụ Ng được hưởng giá trị nhà sàn 04 gian nêu trên cả phần bà L là 141.469.682 đồng.

Đối với 01 máy cày do tiền tái định cư; 01 máy sát mili do cụ Ng dành dụm bằng tiền trợ cấp người cao tuổi hàng tháng để mua; 01 máy bào điện đa năng; 01 máy xẻ cầm tay do H1 mua từ tiền tái định cư; 01 xe máy 25F3-4481 do đổi 02 con trâu ; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE do tiền tái định cư mà có. Như vậy, những tài sản gồm 01 máy cày và 01 xe máy biển kiểm soát 25F3-4481 giao cho ông H1 sở hữu; cụ Ng sẽ được sở hữu số tài sản như 01 máy sát mili; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE; đối với 01 máy bào điện đa năng; 01 máy xẻ cầm tay, quá trình giải quyết vụ việc xác định được hình thành từ tiền di dân tái định cư nên Hội đồng xét xử giao bằng hiện vật cho cụ Vàng Thị Ng quản lý và sử dụng.

+ Đối với các thửa ruộng quá trình thẩm định xem xét tại chỗ Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã xác định được như sau:

- Thửa đất gồm: 6 thửa; Tờ bản đồ số: 47, 48; Diện tích: 1218,9 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00790 Mang tên hộ bà Vàng Thị Ng, sinh năm 1928; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 503972 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 22/9/2014; số diện tích đất tại 06 thửa thuộc quyền sử dụng của các hộ gia đình Lò Văn Ng1 và Lò Thị Q; Lò Văn Nh, Vàng Thị P. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định là các hộ gia đình nêu trên đang quản lý sử dụng là đúng và không có ý kiến tranh chấp gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Thửa đất số: 204; Tờ bản đồ số: 27 ; Diện tích: 881,8 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00473 Mang tên hộ bà Lò Thị Ng, sinh năm 1947; Địa chỉ thửa đất thuộc: bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 857387 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 01/4/2011; đã bị thu hồi nhưng hiện tại gia đình cụ Ng c H nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan quản lý.

- Thửa đất gồm: 7 thửa; Tờ bản đồ số: 4, 7 ; Diện tích: 1314,2 m^2 ; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00474 Mang tên hộ bà Lò Thị Ng, sinh năm 1947; Địa chỉ của thửa đất nay thuộc: đồng Huổi Cuồng, xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 857271 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 01/4/2011 có 06 thửa (33,35,37,38,39,40) do ông Lò Văn H1 và bà Lù Thị L1 đang sử dụng canh tác; còn thửa số 3 tờ bản đồ số 7 đã chuyển cho hộ gia đình ông Thạch bà

Dung sử dụng. Đối với thửa đất này, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành xác minh thì: Đại diện chính quyền địa phương cung cấp, tại bản V, xã M ngoài cụ Vàng Thị Ng thì không có ai tên là Lò Thị Ng sinh năm 1947, H1 nữa thửa đất này do Lò Văn H1 đang trồng cấy. Đồng thời đại diện theo ủy quyền đang làm thủ tục chỉnh lý tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Than Uyên.

Sau khi xác minh, thu thập đối với yêu cầu chia số ruộng đất của cụ Ng hiện tại còn số diện tích: 1314,2 m^2. Hội đồng định giá huy

ện Than Uyên xác định 06 thửa đất tại tờ bản đồ số 4 có giá trị là 43.369.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ruộng đất có nguồn gốc của cụ Ng và cụ Mần khai hoang trước thời điểm di dân tái định cư, hiện tại đang mang tên của cụ Vàng Thị Ng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao số ruộng trên cho cụ Vàng Thị Ng quản lý và sử dụng.

Như vậy, tài sản chung gồm đất ở, nhà và các tài sản khác cụ Ng được sở hữu và quản lý gồm: đối với đất ở, vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 có giá trị là 76.146.600 đồng; 01 máy sát mili; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE; Diện tích đất ruộng: 1314,2 m^2 Hội đồng định giá huyện Than Uyên xác định 06 thửa đất tại tờ bản đồ số 4 có giá trị là 43.369.000 đồng; nhà sàn 04 gian có giá trị 212.204.524 đồng trong đó cụ Ng được sở hữu 1/3 giá trị ngôi nhà là 70.734.841 đồng. Tổng tài sản chung cụ Ng được hưởng là 205.550.441 đồng và 01 máy bào điện đa năng; 01 máy xẻ cầm tay.

Ông Lò Văn H1 được sở hữu quản lý và sử dụng các tài sản sau: 01 máy cày và 01 xe máy biển kiểm soát 25F3-4481; Tổng giá trị tài sản chung ông H1 được hưởng là 84.534.841 đồng.

Xét yêu cầu của bà L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà không có tranh chấp đối với tài sản tranh chấp giữa cụ Ng và ông H1, nhưng nếu được chia bà sẽ chuyển toàn bộ cho cụ Ng sở hữu. Quá trình giải quyết thấy rằng, thời kỳ hình thành ngôi nhà gỗ 04 gian nêu trên trong hộ gia đình bà Lò Thị L được hưởng quyền lợi từ việc di dân tái định cư, do đó, bà sẽ được hưởng 1/3 giá trị ngôi nhà là 70.734.841 đồng, vì vậy, tổng tài sản cụ Ng được hưởng là 276.285.282 đồng bao gồm phần của bà L.

Như vậy, cụ Ng phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông H1 với số tiền là 70.734.842 đồng.

Bà Lù Thị L1 mặc dù năm 2018 bà về làm dâu, song lúc này ngôi nhà và các tài sản khác đã hình thành, quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa, bà cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho quyền lợi ích hợp pháp của mình mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào các tài liệu đã thu thập, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét công sức đóng góp của bà L1.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Ng; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn D, Lò Thị V, Lò Thị L rút yêu cầu độc lập về việc buộc bị đơn Lò Văn H1 phải trả tổng 11 con trâu trong đó (cụ Ng 07 con; ông Dân 02 con; bà L 01 con; bà V 01 con) cho các đương sự, song quá trình giải quyết các đương sự đã có đơn rút yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; rút toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyên, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình

chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung rút một phần đơn khởi kiện và yêu cầu độc lập của các đương sự. Trong trường hợp các đương sự có yêu cầu thì làm đơn yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các vấn đề khác của vụ án: 01 mảnh đất có diện tích khoảng 800 m^2 c H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản Huổi Hằm, xã Mường Mít, xét thấy trong quá trình giải quyết, mảnh đất nêu trên c H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên sơ đồ địa chính quản lý tại UBND xã Mường Mít c H xác định được chủ của mảnh đất trên mà theo cụ Ng khai nhận là ông H1 và bà L1 đang sử dụng, nhưng cụ Ng cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh đó là mảnh đất của mình, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[6]. Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình xây dựng hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với người tham gia tố tụng, phía nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: cụ Vàng Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định do có đơn xin miễn. Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với chi phí tố tụng khác, các đương sự tự nguyện nộp các chi phí và tại phiên tòa không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 217; Điều 220, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 102, 208, 209, 212, 219, 220 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 29 Điều 3; Điều 166, 170, 203 – Luật đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Vàng Thị Ng đối với ông Lò Văn H1 về việc *"Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong hộ gia đình"*.

1. Cụ Vàng Thị Ng được sở hữu và quản lý: đối với đất ở, vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 có giá trị là 76.146.600 đồng; trên đất có nhà sàn 04 gian lợp tôn, sàn ván, nền đổ bê tông, mặt tường xây bao quanh có tứ cận phía Đông giáp hộ ông Vàng Văn Hả; phía Tây giáp đường dân sinh nhỏ; phía Nam giáp hộ ông Vàng Văn L; phía Bắc giáp đường dân sinh; 01 máy sát mili; 01 xe máy biển kiểm soát 25T1-046.49 nhãn hiệu FUTURE; nhà sàn 04 gian có giá trị 212.204.524 đồng, cụ Ng được sở hữu 1/3 giá trị ngôi nhà là 70.734.841

đồng; đất ruộng có diện tích: 1314,2 m^2 có giá trị là 43.369.000 đồng. Tổng tài sản chung cụ Ng được hưởng có giá trị là 205.550.441 đồng (*Hai trăm linh năm triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm bốn mốt đồng)*.

Bà Lò Thị L được hưởng 70.734.841 đồng giá trị nhà sàn 04 gian, như vậy tổng khối tài sản cụ Vàng Thị Ng được hưởng là 276.275.282 đồng *(Hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm tám hai đồng)* và 01 máy bào điện đa năng; 01 máy xẻ cầm tay.

2. Ông Lò Văn H1 được sở hữu quản lý và sử dụng các tài sản gồm: 01 máy cày trị giá 9.300.000 đồng và 01 xe máy biển kiểm soát 25F3-4481 trị giá 4.500.000 đồng; 1/3 giá trị nhà sàn 04 gian lợp tôn là 70.734.841 đồng. Giá trị tài sản mà ông H1 được hưởng là 84.534.841 đồng *(Tám mươi tư triệu năm trăm ba mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi mốt đồng)*.

Cụ Vàng Thị Ng có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông H1 số tiền là 70.734.842 đồng *(Bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng)*.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Vàng Thị Ng yêu cầu buộc ông Lò Văn H1 phải trả cho cụ 07 con trâu.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn D, Lò Thị V, Lò Thị L về việc ông Lò Văn H1 phải trả trâu cho các ông bà cụ thể (ông Dân 02 con; bà L 01 con; bà V 01 con).

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Buộc bị đơn ông Lò Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị L1 có nghĩa vụ di dời tài sản riêng của ông H1 và bà L1 ra khỏi đất ở tại vị trí đất số 69, tờ bản đồ số 58 diện tích 409,2m^2 trên đất có nhà sàn 04 gian lợp tôn địa chỉ thửa đất và nhà tại bản V, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu để giao trả cho cụ Vàng Thị Ng. Ông H1 và bà L1 có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành c H thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Lò Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.227.000 đồng.

Cụ Vàng Thị Ng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 13.814.000 đồng.

Trả lại cho ông Lò Văn D số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2021/0000928 ngày 22/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, Lai Châu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc bản án, quyết định được niêm yết theo quy định lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng TTĐT của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Vừ Thị Hoa	**Nguyễn Lệ Thủy**
	Lương Thị Mỹ Hằng